TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 4 - 2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Oanh;

Ông Nguyễn Hồng Diện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Mai Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 02/4/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987; nơi cư trú: Đội 2, thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh G, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Đặng Văn B, sinh năm 1985; nơi cư trú cuối cùng: Đội 2, thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh G, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Đặng Văn B tự nguyện

tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Q, tỉnh G vào ngày 30/6/2010 trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Sau khi kết hôn, chị chuyển hộ khẩu về quê của anh B tại khu II, xã Q, huyện H, tỉnh T để sinh sống, được bảy tháng, sau đó do khó khăn về kinh tế nên anh chị lại cùng nhau chuyển lên sinh sống tại nhà chị thuộc đội 2, thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh G. Đến ngày 23/3/2012, chị làm thủ tục thay đổi nơi đăng ký thường trú từ xã Q, huyện H, tỉnh T đến đội 2, thôn T, xã T, huyện Q còn anh B thì không làm thủ tục thay đổi nơi đăng ký thường trú nhưng vẫn sinh sống ở đó với chị. Quá trình chung sống, thời gian đầu của thời kỳ hôn nhân anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến tháng 3 năm 2014, mâu thuẫn vợ chồng anh chị phát sinh, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh B không tu trí làm ăn dẫn đến hai anh chị xảy ra cãi vã, xô sát nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được bạn bè, hai bên gia đình hòa giải nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Đến tháng 6 năm 2014, anh B đã bỏ nhà đi hẳn, không cung cấp địa chỉ mới cho chị cùng gia đình, không quan tâm gì đến vợ con. Tháng 10 năm 2017, chị đã có đơn đề nghị Tòa án tuyên bố anh Đặng Văn B mất tích, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã áp dụng đầy đủ các biện pháp tìm kiếm anh B theo quy định của pháp luật nhưng không có kết quả, đến ngày 05/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã mở phiên họp tuyên bố anh Đặng Văn B mất tích. Chị L nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đặng Văn B.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có một con chung là cháu Đặng Thị H, sinh ngày 22/01/2011. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và công nợ chung nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn là anh Đặng Văn B, tuy nhiên anh B vẫn không có mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Do đó, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại các biên bản xác minh ngày 22/01/2019 của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với ông Nguyễn Văn V là trưởng thôn T, xã T; ông Nguyễn Anh T1 là đại diện UBND xã T nơi chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Văn B sinh sống, phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Văn B tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Q, tỉnh G vào tháng 6 năm 2010 trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Sau khi kết hôn anh B về nhà chị L tại thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh G để sinh sống nhưng không làm thủ tục thay đổi nơi thường trú về xã T. Anh chị có một thời gian ngắn chung sống hạnh phúc với nhau. Đến năm 2013, mâu thuẫn vợ chồng anh chị phát sinh do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến hai anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã, xô sát với nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được bạn bè, hai bên gia đình hòa giải nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh Bđã bỏ nhà đi từ tháng 6 năm 2014 cho đến nay, không quan tâm, không liên lạc gì với vợ con, bỏ mặc vợ con muốn sống ra sao thì sống. Quá trình chung sống, anh chị có một con chung là cháu Đặng Thị H, sinh ngày 22/01/2011. Hiện nay cháu H khỏe mạnh và đang sống cùng với chị L rất tốt. Trong quá trình chung sống, anh chị không tạo lập được tài sản chung.

Tại phiên toà hôm nay, chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đặng Văn B. Việc nuôi con: Giao cháu Đặng Thị H, sinh ngày 22/01/2011 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Huyền đủ 18 tuổi, anh Đặng Văn Bkhông phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Do nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L là dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" với bị đơn là anh Đặng Văn B, anh Đặng Văn B có nơi cư trú cuối cùng tại thôn T, xã T, huyện Q, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh Đặng Văn B vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đặng Văn B. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Văn B xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian ngắn chung sống với nhau hạnh phúc. Đến tháng 3 năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh Bkhông tu trí làm ăn dẫn đến hai anh chị xảy ra cãi vã, xô sát nhau. Đến tháng 6 năm 2014, anh B đã bỏ nhà đi, không quan tâm gì đến vợ con. Tháng 10 năm 2017, chị L có đơn đề nghị Tòa án tuyên bố anh Đặng Văn B mất tích, Tòa án nhân dân huyện Q đã áp dụng đầy đủ các biện pháp tìm kiếm anh B theo quy định của pháp luật nhưng không có kết quả. Ngày 05/3/2018, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã mở phiên họp tuyên bố anh Đặng Văn B mất tích. Nay chị Nguyễn Thị L có yêu cầu xin ly hôn anh Đặng Văn B. Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn"*. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đặng Văn B.

[2.2] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình chung sống, anh chị có một con chung là cháu Đặng Thị H, sinh ngày 22/01/2011. Hiện nay, anh Đặng Văn B đã bị Tòa án tuyên bố mất tích; chị Nguyễn Thị L là người đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đặng Thị H rất tốt và chị L cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu Đặng Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về chia tài sản chung: Quá trình chung sống, anh chị không tạo lập được tài sản chung nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí: Do nguyên đơn chị Nguyễn Thị L là dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đặng Văn B.

2. Về việc nuôi con: Xử giao cháu Đặng Thị H, sinh ngày 22/01/2011 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, anh Đặng Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung chị L, anh B có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9

Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện BQuang;
- Chi cục THADS huyện BQuang;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Tuấn Vĩnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Oanh Nguyễn Hồng Diện	**Hà Tuấn Vĩnh**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện BQuang;
- Chi cục THADS huyện BQuang;
- UBND xã Đông Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Tuấn Vĩnh

Nguyễn Đàm Thuyên Nguyễn Hồng Diện Hà Tuấn Vĩnh